Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (SCS: HOSE)

Ngày báo cáo:	**20/2/2024**
Ngành:	**LOGISTICS**
CVPT:	**Võ Thanh Hằng**
Email:	hangvt1@ssi.com.vn
SĐT:	+84-24 3936 6321 ext. 8709
Khuyến nghị:	**KHẢ QUAN**
Giá mục tiêu 1 năm:	**80.800 Đồng**
Giá CP ngày 19/02/2024:	72.300 Đồng
% Tăng giá:	**+11,8%**

Vốn hóa (triệu USD):	278,12
Vốn hóa (tỷ đồng):	6.824
Số lượng CP lưu hành (triệu):	94
KLGDTB 3 tháng (CP):	69.813
Giá Cao/Thấp nhất 52W:	72,3/60
GTGDTB 3 tháng (tỷ đồng):	4,7
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%):	27%
Tỷ lệ sở hữu NN (%):	14%

Biến động giá cổ phiếu

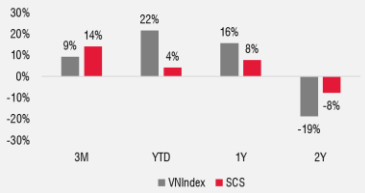

Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

SCS là một trong 2 công ty xếp dỡ hàng hóa hàng không tại Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất (sân bay đông khách nhất Việt Nam, với hơn 30 triệu lượt hành khách mỗi năm). Công ty thành lập vào năm 2008 dưới hình thức công ty tư nhân gồm 6 cổ đông sáng lập: Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam (ACV), Công ty sửa chữa máy bay A41 (A41), CTCP Gemadept (GMD), Công ty TNHH Đầu Tư Nam Phú Quốc Tế, CTCP Đầu tư Á Châu, CTCP Sóng Việt. Đối thủ cạnh tranh duy nhất là CTCP Dịch vụ Hàng hóa Tân Sơn Nhất (TCS), thành lập bởi Vietnam Airlines, SATS và SASCO.

Hợp đồng mới với khách hàng lớn giúp công ty có nhiều dư địa tăng trưởng

Trong Q4/2023, SCS công bố doanh thu đạt 198,8 tỷ đồng (tăng 1,7% svck và tăng 15,9% so với quý trước) và lợi nhuận trước thuế đạt 146,1 tỷ đồng (giảm 13,8% svck và tăng 0,2% so với quý trước), phù hợp với ước tính của chúng tôi. Đáng chú ý, Q4/2023 ghi nhận lượng hàng hóa quốc tế tăng 6% svck, đây là quý đầu tiên có mức tăng trưởng so với cùng kỳ kể từ Q4/2022.

Triển vọng: Năm 2024 sẽ là một năm tích cực đối với SCS khi công ty đã ký được hợp đồng 3 năm cung cấp dịch vụ bốc dỡ hàng hóa tại Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất cho Qatar Airways bắt đầu từ quý này (từ tháng 2/2024). Hợp đồng này sẽ thúc đẩy thị phần của SCS từ mức 35% lên gần 50%, từ đó đem lại tăng trưởng doanh thu cũng như lợi nhuận. Theo ước tính ban đầu của chúng tôi, hợp đồng này sẽ đóng góp từ 25% đến 30% lợi nhuận trước thuế trong năm nay. Chúng tôi dự báo cơ cấu chi phí sẽ không có nhiều thay đổi đáng kể trong năm 2024, nhưng phí nhượng quyền sẽ tăng nhẹ từ 1,5% lên 2% từ nửa cuối năm 2024.

Luận điểm đầu tư: Dựa trên phương pháp định giá DCF cùng với việc thay đổi ước tính lợi nhuận, chúng tôi tăng giá mục tiêu 1 năm lên 80.800 đồng/cổ phiếu (tiềm năng tăng giá khoảng 11,8%) từ mức 69.300 đồng/cổ phiếu. Với giả định hàng hóa quốc tế tăng 45% svck và hàng hóa nội địa tăng 8% svck năm 2024. Chúng tôi nâng khuyến nghị với cổ phiếu SCS lên **KHẢ QUAN** dựa trên giá mục tiêu mới và triển vọng tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ từ hợp đồng mới.

Trong ngắn hạn, kết quả kinh doanh Q1/2024 phản ánh hợp đồng mới và mức so sánh thấp từ Q1/2023 là các yếu tố hỗ trợ cho giá cổ phiếu.

Rủi ro giảm đối với khuyến nghị bao gồm tính thanh khoản của cổ phiếu và sự biến động của tăng trưởng sản lượng hàng hóa ảnh hưởng đến sự phục hồi doanh số.

Tỷ đồng	2021	2022	2023	2024F	2025F
Doanh thu thuần	839	851	705	916	1.040
Tăng trưởng DTT	*21,1%*	*1,4%*	*-17,2%*	*29,9%*	*13,6%*
Lợi nhuận gộp	652	698	535	725	824
Biên lợi nhuận gộp	*77,7%*	*82,0%*	*75,9%*	*79,1%*	*79,2%*
Thu nhập tài chính	35	59	88	74	79
Chi phí tài chính	-1	-1	-1	-1	-1
SG&A	-78	-57	-52	-60	-62
Lợi nhuận ròng khác	-2	-3	-2	0	0
LNTT	605	697	569	738	841
Lợi nhuận ròng	564	646	498	664	757
Tăng trưởng LN ròng	*21,4%*	*14,6%*	*-22,9%*	*33,3%*	*14,0%*
Biên LN ròng	*67,2%*	*75,9%*	*70,7%*	*72,6%*	*72,8%*
EPS (VND)	11.106	6.883	5.043	6.723	7.663

Nguồn: SCS, SSI Research

Cập nhật KQKD Q4/2023

Tỷ đồng	4Q23	4Q22	YoY	3Q23	QoQ	% hoàn thành kế hoạch năm	Biên lợi nhuận			
							4Q23	4Q22	3Q23	2022
Doanh thu thuần	198,8	195,5	1,7%	171,6	15,9%	90%				
Lợi nhuận gộp	144,3	164,8	-12,4%	133,9	7,8%		72,6%	84,3%	78,0%	82,0%
Lợi nhuận hoạt động	146,5	152,6	-4,0%	146,2	0,2%		73,7%	78,0%	85,2%	75,3%
EBIT	146,1	169,5	-13,8%	145,7	0,2%		73,5%	86,7%	84,9%	81,9%
EBITDA	157	180,2	-12,9%	156,7	0,2%		79,0%	92,2%	91,3%	87,0%
Lợi nhuận trước thuế	146,1	169,5	-13,8%	145,7	0,2%	102%	73,5%	86,7%	84,9%	81,9%
Lợi nhuận ròng	128,4	157,3	-18,4%	127,6	0,6%		64,6%	80,5%	74,4%	75,9%
Lợi nhuận ròng thuộc về cổ đông công ty mẹ	128,4	157,3	-18,4%	127,6	0,6%		64,6%	80,5%	74,4%	75,9%

Nguồn: SSI Research

Trong Q4/2023, SCS công bố doanh thu đạt 198,8 tỷ đồng (tăng 1,7% svck và tăng 15,9% so với quý trước) và lợi nhuận trước thuế đạt 146,1 tỷ đồng (giảm 13,8% svck và tăng 0,2% so với quý trước), phù hợp với ước tính của chúng tôi. Biên lợi nhuận gộp giảm xuống 72,6% trong Q4/2023, so với 84% trong Q4/2022. Chúng tôi cho rằng nguyên nhân khiến biên lợi nhuận giảm gồm do chi phí tuyển dụng mới tăng (vì mục đích mở rộng công suất) và ghi nhận tiền thưởng cho nhân viên năm 2023 cao hơn cùng kỳ; và khối lượng vận tải nội địa tăng (tăng 29% svck).

Q4/2023 ghi nhận lượng hàng hóa quốc tế tăng 6% svck, đây là quý đầu tiên có mức tăng trưởng so với cùng kỳ kể từ Q4/2022. Tính đến ngày 14/1/2024, công ty đã ghi nhận khối lượng quốc tế là 13 nghìn tấn (tăng 45,4% svck), điều này gợi ý về việc quá trình giảm tồn kho sắp kết thúc ngay cả khi tính đến cả yếu tố mùa vụ (nhu cầu Tết Nguyên đán tăng lên).

Sản lượng hàng hóa	2023	QoQ	2022	YoY
Sản lượng quốc tế (tấn)	**137.074**		**176.540**	**-22%**
1Q	30.683	-16,7%	55.737	-45%
2Q	32.875	7,1%	43.973	-25%
3Q	34.379	4,6%	40.000	-14%
4Q	39.137	14,0%	36.830	6%
Sản lượng nội địa (tấn)	**52.719**		**44.246**	**19%**
1Q	12.838	16,4%	10.867	18%
2Q	13.874	8,1%	11.462	21%
3Q	11.766	-15,2%	10.888	8%
4Q	14.241	21,0%	11.029	29%

Nguồn: SCS

Lũy kế cả năm 2023, SCS công bố doanh thu thuần và lợi nhuận trước thuế lần lượt đạt 704 tỷ đồng (giảm 17% svck) và 569 tỷ đồng (giảm 18,4% svck). Nguyên nhân sụt giảm do khối lượng hàng hóa quốc tế giảm (giảm 22% trong năm 2023), do xu hướng giảm hàng tồn kho bán lẻ toàn cầu bắt đầu từ Q4/2022. Biên lợi nhuận trước thuế vẫn ở mức cao 80,7% nhờ kiểm soát chi phí hiệu quả và số dư tiền mặt cao hơn mang lại thu nhập tài chính cao hơn (tăng 49% svck). Theo đó, lợi nhuận trước thuế hợp lý ước tính của chúng tôi và cũng vượt kế hoạch của công ty cho năm 2023.

Triển vọng công ty

Năm 2024 sẽ là một năm tích cực đối với SCS. Theo cuộc trao đổi của chúng tôi với công ty, SCS đã giành được hợp đồng cung cấp dịch vụ bốc dỡ hàng hóa tại Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất cho Qatar Airways bắt đầu từ quý này (từ tháng 2/2024), hãng hàng không này hiện đang được phục vụ bởi TCS. Đây là khách hàng lớn, dự kiến chiếm 25% sản lượng SCS trong năm 2024. **Theo chúng tôi, hợp đồng này sẽ thúc đẩy thị phần của SCS từ mức 35% lên gần 50%, từ đó đem lại tăng trưởng doanh thu cũng như lợi nhuận. Theo ước tính ban đầu của chúng tôi, hợp đồng này sẽ đóng góp từ 25% đến 30% lợi nhuận trước thuế trong năm nay**. Công ty cũng cho biết, công ty đã đầu tư 3 triệu USD vào việc nâng cấp cơ sở vật chất để có thể phục vụ thêm khối lượng hàng hóa từ Quatar Airways.

Năm 2024 là năm đầu tiên của giai đoạn phục hồi và khối lượng công việc mới của Qatar Airways, chúng tôi kỳ vọng rằng sản lượng hàng hóa quốc tế sẽ tăng tới 45%, đạt 200 nghìn tấn trong năm nay, bao gồm 30% được đóng góp từ sản lượng dịch vụ cung cấp cho Qatar Airways và 15% đến từ sự phục hồi của các hãng hàng không hiện tại. Chúng tôi cũng lưu ý rằng, căng thẳng ở Biển Đỏ vẫn chưa tác động tích cực đến khối lượng hàng hóa nhưng nếu kéo dài sang Quý 2 và Quý 3 thì sản lượng hàng hóa có thể được lợi khi vận tải hàng không thay thế cho vận tải container. Trong khi đó, sản lượng hàng hóa nội địa dự kiến sẽ tăng trưởng với tốc độ tự nhiên là 8% trong năm 2024.

Chúng tôi dự báo cơ cấu chi phí sẽ không có nhiều thay đổi đáng kể trong năm 2024, nhưng phí nhượng quyền sẽ tăng nhẹ từ 1,5% lên 2% từ nửa cuối năm 2024. Tăng trưởng doanh thu thay vì được thúc đẩy nhờ sự gia tăng về sản lượng quốc tế, chúng tôi kỳ vọng biên lợi nhuận gộp sẽ cải thiện đáng kể từ năm 2023 (từ 75,9% trong năm 2023 lên 79,1% trong năm 2024), dựa trên kỳ vọng về sự phục hồi mạnh mẽ hơn và tỷ trọng đóng góp của hàng hóa quốc tế cao hơn trong cơ cấu doanh thu. Chúng tôi ước tính hàng hóa quốc tế sẽ đóng góp 78% vào cơ cấu doanh thu trong năm 2024, từ mức 72% trong năm 2023.

Theo đó, chúng tôi ước tính công ty sẽ đạt 916 tỷ đồng doanh thu (tăng 29,9% svck) và LNTT đạt 738 tỷ đồng (tăng 29,7% svck) trong năm 2024.

Về dài hạn, SCS có kế hoạch mở rộng công suất tại Sân bay Quốc tế Long Thành. Tổng vốn đầu tư cho dự án này dự kiến là 700 tỷ đồng (khoảng 28,5 triệu USD), giai đoạn đầu tư sẽ bắt đầu vào năm 2026.

Bảng tóm tắt ước tính:

Tỷ đồng	2021	2022	2023	2024F	2025F
Doanh thu thuần	839	851	705	916	1.040
Tăng trưởng DTT	*21,1%*	*1,4%*	*-17,2%*	*29,9%*	*13,6%*
Lợi nhuận gộp	652	698	535	725	824
Biên lợi nhuận gộp	*77,7%*	*82,0%*	*75,9%*	*79,1%*	*79,2%*
Thu nhập tài chính	35	59	88	74	79
Chi phí tài chính	-1	-1	-1	-1	-1
SG&A	-78	-57	-52	-60	-62
Lợi nhuận ròng khác	-2	-3	-2	0	0
LNTT	605	697	569	738	841
Lợi nhuận ròng	564	646	498	664	757
Tăng trưởng LN ròng	*21,4%*	*14,6%*	*-22,9%*	*33,3%*	*14,0%*
Biên LN ròng	*67,2%*	*75,9%*	*70,7%*	*72,6%*	*72,8%*
EPS (VND)	11.106	6.883	5.043	6.723	7.663

Nguồn: SSI Research

Luận điểm đầu tư

SCS đang giao dịch ở mức P/E dự phóng cho năm 2024 là 10,x thấp hơn mức P/E 5 năm là 13,x, mặc dù mức tăng trưởng lợi nhuận dự kiến sẽ tăng lên trong 3 năm tới (EPS năm 2025 ước tính là 7.663 đồng/cổ phiếu, +13,9% svck). Dựa trên phương pháp định giá DCF cùng với việc thay đổi ước tính lợi nhuận, chúng tôi tăng giá mục tiêu 1 năm lên 80.800 đồng/cổ phiếu (tiềm năng tăng giá khoảng 11,8%) từ mức 69.300 đồng/cổ phiếu. Với giả định hàng hóa quốc tế tăng 45% svck và hàng hóa nội địa tăng 8% svck năm 2024. Chúng tôi nâng khuyến nghị với cổ phiếu SCS lên **KHẢ QUAN** dựa trên giá mục tiêu mới và triển vọng tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ từ hợp đồng mới.

Trong ngắn hạn, kết quả kinh doanh Q1/2024 phản ánh hợp đồng mới và mức so sánh thấp từ Q1/2023 là các yếu tố hỗ trợ cho giá cổ phiếu. Về dài hạn, chúng tôi cho rằng tin tức liên quan đến việc đầu tư vào dự án sân bay Long Thành sẽ là thông tin quan trọng cần theo dõi vì điều này sẽ là yếu tố rủi ro làm giảm sản lượng hàng hóa khi Long Thành đi vào hoạt động (theo quan điểm của chúng tôi là vào khoảng năm 2027).

Rủi ro giảm đối với khuyến nghị bao gồm tính thanh khoản của cổ phiếu và sự biến động của tăng trưởng sản lượng hàng hóa ảnh hưởng đến sự phục hồi doanh số.

Chúng tôi áp dụng phương pháp định giá DCF dựa trên mức tăng trưởng cuối cùng là 1,5% và WACC là 12%:

Bảng định giá (triệu đồng)	2024F	2025F	2026F	Giá trị cuối
EBIT (1-T)	**664.380**	**757.275**	**846.134**	**950.700**
Cộng: Khấu hao	47.765	48.232	48.699	49.167
Trừ: CAPEX	10.000	10.000	10.001	10.002
Trừ: Thay đổi trong vốn lưu động	59.784	24.612	17.451	19.657
Tiền nhàn rỗi	**642.361**	**770.895**	**867.381**	**970.207**
Giá trị cuối cùng				**7.878.084**
Giá trị hiện tại	**579.263**	**620.689**	**623.550**	**622.741**
Giá trị hiện tại cuối cùng				**5.056.658**
Tổng giá trị DN	**7.586.786**			
Giá trị DN	**7.586.786**			
Giá mục tiêu (đồng/cp)	**80.814**			

Nguồn: SSI Research

Lịch sử khuyến nghị

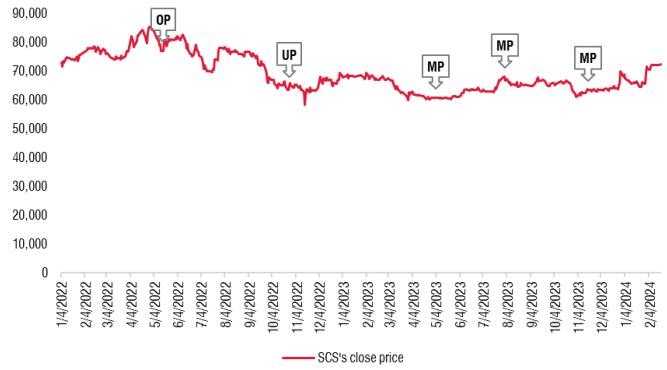

Nguồn: SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2022	2023	2024F	2025F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	51	47	273	622
+ Đầu tư ngắn hạn	860	860	860	860
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	85	262	341	387
+ Hàng tồn kho	0	0	0	0
+ Tài sản ngắn hạn khác	4	1	1	2
Tổng tài sản ngắn hạn	**1.000**	**1.170**	**1.475**	**1.870**
+ Các khoản phải thu dài hạn	0	0	0	0
+ GTCL Tài sản cố định	391	361	330	299
+ Bất động sản đầu tư	79	72	65	58
+ Tài sản dài hạn dở dang	21	21	21	21
+ Đầu tư dài hạn	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn khác	64	59	66	75
Tổng tài sản dài hạn	**555**	**512**	**482**	**452**
Tổng tài sản	**1.556**	**1.682**	**1.957**	**2.323**
+ Nợ ngắn hạn	118	149	168	189
Trong đó: vay ngắn hạn	*0*	*0*	*0*	*0*
+ Nợ dài hạn	4	2	2	2
Trong đó: vay dài hạn	*0*	*0*	*0*	*0*
Tổng nợ phải trả	**122**	**150**	**169**	**191**
+ Vốn góp	1.011	1.011	1.011	1.011
+ Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0	0
+ Lợi nhuận chưa phân phối	423	511	753	1.082
+ Quỹ khác	0	10	23	38
Vốn chủ sở hữu	**1.434**	**1.532**	**1.787**	**2.131**
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	**1.556**	**1.682**	**1.957**	**2.323**
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	586	381	612	735
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-153	-10	-10	-10
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-439	-376	-376	-376
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**-6**	**-5**	**226**	**349**
Tiền đầu kỳ	58	51	47	273
Tiền cuối kỳ	**51**	**47**	**273**	**622**
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	8,51	7,87	8,8	9,88
Hệ số thanh toán nhanh	8,48	7,86	8,8	9,87
Hệ số thanh toán tiền mặt	7,75	6,1	6,76	7,82
Nợ ròng / EBITDA	-0,07	-0,08	-0,2	-0,5
Khả năng thanh toán lãi vay	n.a.	n.a.	n.a.	n.a.
Ngày phải thu	33,3	36,5	34,8	36,9
Ngày phải trả	13,2	11,1	13,8	13,8
Ngày tồn kho	0	0	0	0
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,92	0,91	0,91	0,92
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,08	0,09	0,09	0,08
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,09	0,1	0,09	0,09
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0	0	0	0
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0	0	0	0

Tỷ đồng	2022	2023	2024F	2025F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	**851**	**705**	**916**	**1.040**
Giá vốn hàng bán	-153	-170	-191	-216
Lợi nhuận gộp	**698**	**535**	**725**	**824**
Doanh thu hoạt động tài chính	59	88	74	79
Chi phí tài chính	-1	-1	-1	-1
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-57	-52	-60	-62
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	**699**	**571**	**738**	**841**
Thu nhập khác	-3	-2	0	0
Lợi nhuận trước thuế	697	569	738	841
Lợi nhuận ròng	**646**	**498**	**664**	**757**
Lợi nhuận chia cho cổ đông	**646**	**498**	**664**	**757**
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	0	0	0
EPS cơ bản (VND)	6.883	5.043	6.723	7.663
Giá trị sổ sách (VND)	15.271	16.314	19.037	22.700
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	6.000	4.000	4.000	4.000
EBIT	697	569	738	841
EBITDA	740	616	786	890
Tăng trưởng				
Doanh thu	1,4%	-17,2%	29,9%	13,6%
EBITDA	12,2%	-16,7%	27,5%	13,2%
EBIT	15,1%	-18,4%	29,8%	14,0%
Lợi nhuận ròng	14,6%	-22,9%	33,3%	14,0%
Vốn chủ sở hữu	14,8%	6,8%	16,7%	19,2%
Vốn điều lệ	85,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Tổng tài sản	9,9%	8,1%	16,3%	18,7%
Định giá				
P/E	10,9	14,1	10,6	9,3
P/B	4,9	4,4	3,7	3,1
Giá/Doanh thu	6,4	9,5	7,3	6,4
Tỷ suất cổ tức	8,0%	5,6%	5,6%	5,6%
EV/EBITDA	8,3	10,7	8,4	7,4
EV/Doanh thu	7,2	9,3	7,2	6,3
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	82,0%	75,9%	79,1%	79,2%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	75,3%	68,0%	72,5%	73,3%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	75,9%	70,7%	72,6%	72,8%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	6,7%	7,3%	6,6%	5,9%
ROE	48,2%	33,6%	40,0%	38,7%
ROA	43,5%	30,8%	36,5%	35,4%
ROIC	48,2%	33,6%	40,0%	38,7%

Nguồn: SCS, SSI ước tính

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kì lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lôi kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Tài liệu này chỉ được lưu hành nội bộ và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Hoàng Việt Phương
Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư
phuonghv@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

Vĩ mô

Phạm Lưu Hưng
Kinh tế trưởng
hungpl@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Thái Thị Việt Trinh
Chuyên viên phân tích Vĩ mô
trinhttv@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8720

Phân tích Định lượng

Lê Huyền Trang
Chuyên viên cao cấp Phân tích dữ liệu
tranglh1@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8710

Nguyễn Bùi Minh Châu
Chuyên viên Phân tích dữ liệu
chaunbm@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8706

Phân tích Ngành Logistics

Võ Thanh Hằng
Chuyên viên Phân tích Cổ phiếu
Hangvt1@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8709

Dữ liệu

Lương Thị Việt
Chuyên viên cao cấp hỗ trợ
vietlt@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8714

Nguyễn Thị Kim Tân
Chuyên viên hỗ trợ
tanntk@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8715

Nguyễn Thị Anh Thư
Chuyên viên hỗ trợ
thunta2@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8702

Chiến lược thị trường

Nguyễn Lý Thu Ngà
Chuyên viên cao cấp Chiến lược đầu tư
nganlt@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3051

Nguyễn Quốc Bảo
Chuyên viên cao cấp Chiến lược đầu tư
baonq1@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3059

Hồ Hữu Tuấn Hiếu, CFA
Chuyên gia Chiến lược đầu tư
hieuhht1@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8704

Trần Thị Bảo Châu
Chuyên viên Chiến lược đầu tư
chauttb@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3043